



ASEAN SECURITIES

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

BÁO CÁO CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Dòng tiền phân hóa rõ rệt

ASEANSC Research | 02-02-2026



MỤC LỤC



1

Nhận định thị trường chứng khoán:

3

Lực cầu gia tăng quanh ngưỡng 1.800 điểm

2

Chiến lược giao dịch ngắn hạn:

4

Ưu tiên cổ phiếu thu hút dòng tiền

3

Chiến lược theo câu chuyện và dòng tiền:

7

Phân bổ vốn hợp lý

4

Chiến lược đầu tư năm 2026:

23

Tiếp tục tích lũy, gom mua cổ phiếu



1. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

- Trong tuần qua, VN-Index tiếp diễn đà điều chỉnh trong những phiên đầu tuần, mặc dù vậy chỉ số đã ghi nhận nhịp hồi phục khi lùi về kiểm định vùng hỗ trợ quanh **1.800 điểm**. VN Index kết tuần quanh mức 1.829,04 điểm, giảm 2,23% so với thứ Sáu liền trước. Dòng tiền có xu hướng ưu tiên các nhóm Dầu khí, Bán lẻ và doanh nghiệp có vốn Nhà nước. Ngược lại, nhóm cổ phiếu Vingroup chịu áp lực điều chỉnh mạnh sau giai đoạn tăng nóng trước đó.
- Trong ngắn hạn, VN-Index nhiều khả năng tiếp tục rung lắc mạnh do lực cung chốt lời ngắn hạn. Nhà giao dịch Trading nên ưu tiên các cổ phiếu đang nhận được sự ưu tiên của dòng tiền lớn bên cạnh các thông tin hỗ trợ (KQKD khả quan, cổ tức tiền mặt, tăng vốn, thoái vốn,...)
- Trong trung hạn, thị trường chứng khoán nhiều khả năng sẽ duy trì xu thế tăng trưởng với nhiều động lực hỗ trợ. Theo đó, Quốc hội đã thông qua kế hoạch tăng trưởng GDP 2026F của Việt Nam đạt từ 10% trở lên, đồng nghĩa với chính sách vĩ mô nới lỏng sẽ tiếp tục được ưu tiên. Thêm vào đó, định giá thị trường vẫn đang thấp hơn đáng kể so với chu kỳ “bơm tiền” 2020 – 2021. Chúng tôi nhận định VN Index sẽ dao động quanh vùng 1.900 – 2.000 điểm trong năm 2026 dựa trên tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường bên cạnh mẫu hình sóng Elliot của VN-Index.

Lực cầu gia tăng quanh ngưỡng 1.800 điểm



Nguồn: Tradingview, ASEANSC Research tổng hợp



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

- Nhà giao dịch ngắn hạn tham khảo danh sách cổ phiếu tiềm năng được cung cấp bởi ASEANSC Research để tìm kiếm **cơ hội Trading**. Các cổ phiếu trong danh sách được lựa chọn theo các công cụ kỹ thuật mà chúng tôi xây dựng (Siêu chỉ báo, Đột biến khối lượng, Phân kỳ tăng giá, v.v) trong đó ưu tiên tìm kiếm các đại diện đang nhận được sự quan tâm của dòng tiền lớn.
- Nhà giao dịch ngắn hạn không nên thực hiện all-in cho một cổ phiếu mà cần đa dạng hóa dựa theo khẩu vị rủi ro của bản thân nhà đầu tư.
- Nhà đầu tư nên cân nhắc điểm mua tại các nhịp điều chỉnh hoặc các nền tích lũy của cổ phiếu, đồng thời cần hạn chế tâm lý FOMO mua đuổi tại các giai đoạn cổ phiếu kéo giá liên tục.
- Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5% (tính trên giá mua của nhà đầu tư).
- Nhà đầu tư tham khảo trạng thái margin đề xuất để xem xét sử dụng margin (vốn vay) tại các giai đoạn thị trường **thuận lợi**. Các mức đề xuất của chúng tôi gồm có: (i) Không sử dụng, (ii) Thấp (10% - 30%), (ii) Trung bình (30% - 50%), (iv) Cao (>50%).
- Thời gian nắm giữ cổ phiếu trong danh mục từ T+3 đến T+10.
- Hệ số Beta thể hiện tính biến động của cổ phiếu so với thị trường. Chẳng hạn Beta >1 có nghĩa cổ phiếu này có độ biến động cao hơn so với thị trường chung.



Nguồn: ASEANSC tổng hợp



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

Danh sách cổ phiếu Trading cho tuần 02/02/2026 – 06/02/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Vùng mục tiêu kỳ vọng (1.000 đ)	Tỷ lệ Margin đề xuất
VCB	Ngân hàng	68,5 – 70	78 +/-	Trung bình (30% - 50%)
BID	Ngân hàng	50,5 – 52	56 +/-	
CTG	Ngân hàng	37,5 – 38,5	42 +/-	
VCI	Chứng khoán	35 – 36	41 +/-	
MWG	Bán lẻ	85 – 88	95 +/-	
BSR	Dầu khí	20,5 – 21,5	24 +/-	

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

Hiệu suất danh mục Trading cho tuần 26/01/2026 – 30/01/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Biến động trong tuần
TCB	Ngân hàng	35 – 36	-1,64%
MBB	Ngân hàng	26 – 27	0,93%
HDB	Ngân hàng	28 – 29	- 4,39%
SSI	Chứng khoán	30 – 31,5	- 2,35%
VCI	Chứng khoán	34,5 – 35,5	2,09%
PNJ	Bán lẻ	108 – 110	12,99%

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Đối với chiến lược theo câu chuyện và dòng tiền, nhà đầu tư nên tìm kiếm cơ hội theo các chủ điểm sau:

Thoái vốn Nhà nước và cổ phần hóa	Phát hiện mỏ dầu lớn (Hai Su Vang) - Chu kỳ offshore mới
Căng thẳng Mỹ - Venezuela; Mỹ - Iran: siết xuất khẩu dầu	Nghị quyết 68 - Phát triển kinh tế tư nhân
Nghị quyết 79 - Phát triển kinh tế nhà nước	Tiêu dùng - bán lẻ khởi sắc
BDS Khu công nghiệp khởi sắc	Mùa KQKD & định giá quay về lợi nhuận
Ngành Ngân hàng khả quan (Tín dụng duy trì cao, NIM ổn định, chất lượng tài sản cải thiện)	Đầu tư công & siêu chu kỳ hạ tầng
Ngành điện 2026: tăng tốc hạ tầng điện & nhu cầu 2 chữ số	Chuỗi khí - điện Lô B – Ô Môn: tăng tốc dự án trọng điểm, mở khóa backlog dầu khí & điện khí
Trụ/bluechips thanh khoản đỡ thị trường	Nâng hạng FTSE & cải cách thị trường
Bất động sản hồi phục (Pháp lý/bảng giá đất)	Ngành chứng khoán khả quan (Làn sóng IPO & tăng vốn & tài sản số)



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Thoái vốn Nhà nước và cổ phần hóa

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	568	(33)	535	10%	44%	12,939	27.0	2.4
VNM	320	(115)	205	24%	-4%	20,900	16.2	3.7
BVH	(72)	69	(2)	17%	17%	7,423	13.4	2.1
POW	(86)	46	(40)	7%	-13%	27,868	16.2	0.9
VGC	131	18	149	14%	26%	4,484	15.6	2.0
GAS	1,879	294	2,173	19%	12%	24,129	20.1	3.7
BSR	1,880	157	2,038	4%	-87%	50,073	31.0	1.1
Trung bình	660	62	722	13%	-1%	21,117	19.9	2.3



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Phát hiện mỏ dầu lớn (Hai Su Vang) - Chu kỳ offshore mới

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	568	(33)	535	10%	44%	12.939	27,0	2,4
OIL	514	(3)	511	4%	-152%	2.014	37,1	1,3
GAS	1.879	294	2.173	19%	12%	24.129	20,1	3,7
PVS	2.614	54	2.668	10%	16%	5.114	12,7	1,2
PVD	810	72	883	5%	-256%	5.563	17,2	0,9
BSR	1.880	157	2.038	4%	-87%	50.073	31,0	1,1
Trung bình	1.378	90	1.468	9%	-71%	16.639	24,2	1,8



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 68 - Phát triển kinh tế tư nhân

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	716	891	1.608	27%	21%	17.035	19,1	4,0
HDB	(423)	(72)	(495)	24%	30%	50.053	6,9	1,5
GMD	63	15	78	14%	55%	4.265	20,6	2,0
DGW	334	87	420	17%	1670%	2.213	18,9	3,0
PNJ	1.522	336	1.858	20%	22%	3.413	16,2	3,2
REE	32	0	32	14%	14%	5.417	21,9	1,4
VPB	(620)	(103)	(723)	13%	30%	79.339	9,7	1,3
ACB	(948)	(579)	(1.527)	20%	22%	51.367	7,4	1,4
TCB	(432)	(7)	(439)	14%	16%	70.862	11,4	1,4
MWG	4.461	(628)	3.833	20%	509%	14.697	21,7	4,0
Trung bình	470	(6)	464	18%	239%	29.866	15,4	2,3



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 79 - Phát triển kinh tế nhà nước

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	568	(33)	535	10%	44%	12.939	27,0	2,4
GVR	231	38	269	12%	2%	40.000	23,7	2,3
BVH	(72)	69	(2)	17%	17%	7.423	13,4	2,1
POW	(86)	46	(40)	7%	-13%	27.868	16,2	0,9
BID	876	217	1.093	17%	39%	70.214	12,7	2,0
GAS	1.879	294	2.173	19%	12%	24.129	20,1	3,7
BSR	1.880	157	2.038	4%	-87%	50.073	31,0	1,1
VCB	2.993	(1.045)	1.949	17%	17%	83.557	16,3	2,6
CTG	1.316	(184)	1.131	21%	-23%	77.669	6,3	1,2
Trung bình	1.065	(49)	1.016	14%	1%	43.764	18,5	2,0



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Tiêu dùng – Bán lẻ khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VNM	320	(115)	205	24%	-4%	20.900	16,2	3,7
DGW	334	87	420	17%	1670%	2.213	18,9	3,0
PNJ	1.522	336	1.858	20%	22%	3.413	16,2	3,2
MSN	422	714	1.136	14%	160%	14.459	34,2	2,6
FRT	556	85	641	27%	957%	1.703	41,9	7,1
MWG	4.461	(628)	3.833	20%	509%	14.697	21,7	4,0
Trung bình	1.269	80	1.349	20%	552%	9.564	24,9	3,9



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện BĐS Khu công nghiệp khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
IDC	735	59	794	30%	60%	3.795	9,4	2,1
BCM	(70)	(108)	(178)	18%	6%	10.350	19,4	3,2
KBC	18	(8)	10	7%	56%	9.418	19,4	1,1
SIP	106	3	109	28%	5%	2.421	10,4	2,5
TIP	(1)	(0)	(1)	10%	14%	650	6,8	0,7
VGC	131	18	149	14%	26%	4.484	15,6	2,0
LHG	(3)	0	(3)	17%	3%	500	5,1	0,8
PHR	39	(0)	39	17%	-7%	1.355	12,6	2,0
NTC	(3)	-	(3)	32%	1%	240	9,6	3,0
SZC	40	(2)	38	10%	21%	1.800	17,7	1,8
Trung bình	99	(4)	95	18%	18%	3.501	12,6	1,9



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện mùa KQKD & định giá quay về lợi nhuận

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	716	891	1.608	27%	21%	17.035	19,1	4,0
HPG	(194)	324	130	12%	34%	76.755	14,3	1,6
PNJ	1.522	336	1.858	20%	22%	3.413	16,2	3,2
DCM	(13)	45	31	18%	67%	5.294	10,0	1,8
VPB	(620)	(103)	(723)	13%	30%	79.339	9,7	1,3
MBB	1.178	258	1.437	20%	29%	80.550	8,7	1,6
MWG	4.461	(628)	3.833	20%	509%	14.697	21,7	4,0
CTG	1.316	(184)	1.131	21%	-23%	77.669	6,3	1,2
Trung bình	930	65	995	19%	72%	43.025	13,3	2,4



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng Ngành Ngân hàng khả quan (Tín dụng duy trì cao, NIM ổn định, chất lượng tài sản cải thiện)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
STB	(881)	142	(739)	21%	-14%	18.852	9,7	1,9
HDB	(423)	(72)	(495)	24%	30%	50.053	6,9	1,5
BID	876	217	1.093	17%	39%	70.214	12,7	2,0
VPB	(620)	(103)	(723)	13%	30%	79.339	9,7	1,3
MBB	1.178	258	1.437	20%	29%	80.550	8,7	1,6
ACB	(948)	(579)	(1.527)	20%	22%	51.367	7,4	1,4
VCB	2.993	(1.045)	1.949	17%	17%	83.557	16,3	2,6
TCB	(432)	(7)	(439)	14%	16%	70.862	11,4	1,4
CTG	1.316	(184)	1.131	21%	-23%	77.669	6,3	1,2
Trung bình	340	(152)	187	19%	16%	64.718	9,9	1,7



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Đầu tư công & siêu chu kỳ hạ tầng

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
HPG	(194)	324	130	12%	34%	76.755	14,3	1,6
PLC	21	(2)	18	9%	44%	808	21,9	2,0
FCN	(11)	(4)	(15)	2%	-107%	1.574	82,4	0,7
HT1	(13)	(35)	(48)	4%	18%	3.816	30,6	1,3
KSB	82	(1)	82	5%	-36%	1.148	14,4	0,7
CTD	91	(4)	87	8%	169%	1.087	10,7	0,8
HHV	(96)	(4)	(100)	5%	32%	4.974	11,5	0,5
VCG	(1.572)	(68)	(1.640)	36%	33%	6.465	3,7	1,2
BMP	64	(23)	41	42%	73%	819	10,5	4,5
Trung bình	(181)	20	(161)	14%	29%	10.827	22,2	1,5



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Ngành điện 2026: tăng tốc hạ tầng điện & nhu cầu 2 chữ số

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	(86)	46	(40)	7%	-13%	27.868	16,2	0,9
NT2	(76)	49	(26)	15%	-20%	2.879	11,5	1,7
TV2	3	0	3	4%	-14%	675	43,5	1,8
GEG	(8)	(1)	(9)	14%	-18%	3.583	8,3	0,8
REE	32	0	32	14%	14%	5.417	21,9	1,4
PC1	381	(27)	354	10%	25%	4.113	15,0	1,0
Trung bình	41	11	52	11%	-4%	7.422	19,4	1,3



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Chuỗi khí - điện Lô B – Ô Môn: tăng tốc dự án trọng điểm, mở khóa backlog dầu khí & điện khí

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	(86)	46	(40)	7%	-13%	27.868	16,2	0,9
TV2	3	0	3	4%	-14%	675	43,5	1,8
PVB	52	6	58	11%	-557%	216	17,2	1,8
GAS	1.879	294	2.173	19%	12%	24.129	20,1	3,7
PVS	2.614	54	2.668	10%	16%	5.114	12,7	1,2
PVD	810	72	883	5%	-256%	5.563	17,2	0,9
Trung bình	879	79	957	9%	-135%	10.594	21,2	1,7



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Trục/bluechips thanh khoản dồi dào thị trường

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCB	2.993	(1.045)	1.949	17%	17%	83.557	16,3	2,6
FPT	716	891	1.608	27%	21%	17.035	19,1	4,0
VNM	320	(115)	205	24%	-4%	20.900	16,2	3,7
HPG	(194)	324	130	12%	34%	76.755	14,3	1,6
BID	876	217	1.093	17%	39%	70.214	12,7	2,0
TCB	(432)	(7)	(439)	14%	16%	70.862	11,4	1,4
CTG	1.316	(184)	1.131	21%	-23%	77.669	6,3	1,2
VHM	(2.759)	(295)	(3.054)	13%	8%	41.074	19,2	2,2
Trung bình	354	(-27)	328	18%	14%	57.258	14,4	2,3



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Nâng hạng FTSE & cải cách thị trường

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	716	891	1.608	27%	21%	17.035	19,1	4,0
VNM	320	(115)	205	24%	-4%	20.900	16,2	3,7
HPG	(194)	324	130	12%	34%	76.755	14,3	1,6
VRE	(487)	(114)	(601)	11%	30%	23.288	15,1	1,6
VPB	(620)	(103)	(723)	13%	30%	79.339	9,7	1,3
MBB	1.178	258	1.437	20%	29%	80.550	8,7	1,6
VCB	2.993	(1.045)	1.949	17%	17%	83.557	16,3	2,6
TCB	(432)	(7)	(439)	14%	16%	70.862	11,4	1,4
VHM	(2.759)	(295)	(3.054)	13%	8%	41.074	19,2	2,2
SSI	(258)	16	(242)	13%	34%	20.779	16,9	2,0
Trung bình	46	(19)	27	16%	22%	51.414	14,7	2,2



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Bất động sản hồi phục (Pháp lý/bảng giá đất)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
NLG	(59)	(6)	(65)	12%	25%	3.851	13,4	0,8
PDR	35	(84)	(49)	2%	-26%	9.978	84,4	1,4
KDH	167	2	169	6%	-7%	11.222	33,6	1,6
DXG	252	(40)	212	4%	-238%	11.141	37,6	0,8
VHM	(2.759)	(295)	(3.054)	13%	8%	41.074	19,2	2,2
Trung bình	(473)	(85)	(558)	8%	-48%	15.453	37,6	1,3



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Ngành chứng khoán khả quan (Làn sóng IPO & tăng vốn & tài sản số)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCK	(229)	(31)	(260)	27%	87%	14.823	-	-
TCX	(117)	161	43	16%	21%	23.113	22,6	2,9
VCI	1.013	321	1.335	9%	24%	8.501	22,6	2,0
MBS	111	(6)	105	15%	20%	6.587	14,1	2,0
VND	(354)	(27)	(381)	10%	61%	15.223	15,3	1,4
VIX	(2.983)	(69)	(3.052)	29%	61%	15.314	12,6	1,7
SHS	(568)	(89)	(657)	12%	81%	8.995	13,4	1,5
HCM	88	(45)	42	10%	31%	10.808	17,8	1,8
SSI	(258)	16	(242)	13%	34%	20.779	16,9	2,0
Trung bình	(366)	26	(341)	16%	47%	13.794	15,0	1,7



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Thị trường		
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá	%	KLGD
VCB	2,993	(1,045)	1,949	17%	17%	83,557	16.3	2.6	70,500	1%	7,855,400
BID	876	217	1,093	17%	39%	70,214	12.7	2.0	53,900	4%	7,082,200
CTG	1,316	(184)	1,131	21%	-23%	77,669	6.3	1.2	38,750	1%	10,027,200
TCB	(432)	(7)	(439)	14%	16%	70,862	11.4	1.4	35,900	3%	8,593,000
VPB	(620)	(103)	(723)	13%	30%	79,339	9.7	1.3	28,000	1%	8,246,800
HDB	(423)	(72)	(495)	24%	30%	50,053	6.9	1.5	28,300	2%	13,587,000
TCX	(117)	161	43	16%	21%	23,113	22.6	2.9	56,500	3%	2,091,200
VCI	1,013	321	1,335	9%	24%	8,501	22.6	2.0	36,650	1%	5,993,000



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Thị trường		
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá	%	KLGD
FPT	716	891	1,608	27%	21%	17,035	19.1	4.0	104,500	-2%	14,247,700
HPG	(194)	324	130	12%	34%	76,755	14.3	1.6	26,800	-1%	27,608,700
PVS	2,614	54	2,668	10%	16%	5,114	12.7	1.2	45,400	4%	9,754,214
PVD	810	72	883	5%	-256%	5,563	17.2	0.9	31,000	3%	6,735,800
PNJ	1,522	336	1,858	20%	22%	3,413	16.2	3.2	127,000	0%	6,501,500
VNM	320	(115)	205	24%	-4%	20,900	16.2	3.7	70,600	-1%	10,036,800
MSN	422	714	1,136	14%	160%	14,459	34.2	2.6	84,000	0%	24,722,400
MWG	4,461	(628)	3,833	20%	509%	14,697	21.7	4.0	92,900	4%	15,892,000

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được xây dựng bởi Khối Phân tích của Chứng khoán ASEAN (ASEANSC Research).

Báo cáo này bao gồm các nhận định chủ quan và dựa trên nguồn thông tin tin cậy và cơ sở phân tích chi tiết, cẩn trọng. ASEANSC không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ một cách tuyệt đối của các nguồn thông tin, đồng thời báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào.

Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với các quyết định đầu tư của chính mình.

Các quan điểm và ước tính trong báo cáo của chúng tôi có giá trị đến ngày công bố báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. ASEANSC giữ bản quyền của báo cáo này. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của ASEANSC đều trái luật.

Head Office

4th-7th Floors, No. 3 Dang Thai Than, Cua Nam Ward, Hanoi City

Branch

2nd Floor, No. 77-79 Pho Duc Chinh, Ben Thanh Ward, HCMC

T 1900 638 088

E cskh@aseansc.com.vn

W aseansc.com.vn

Nguồn: ASEANSC Research



**Trung tâm
Dữ liệu &
phân tích thị trường**